

QUY ĐỊNH

**về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy
và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;

- Căn cứ Quy chế số 04-QC/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khóa XIX;

- Xét đề nghị của Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

Điều 1. Chức năng

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo).

3. Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

1.1. Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa và triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ

thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

1.3. Tham mưu giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

1.4. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

1.5. Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

1.6. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

1.7. Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy, cán bộ làm công tác dân vận của đảng trong tỉnh.

3. Thẩm định, thẩm tra

3.1. Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

3.2. Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh... có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

4. Phối hợp

4.1. Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về công tác dân vận.

4.2. Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

4.3. Với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4.4. Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

4.5. Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

Điều 3. Quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

2. Được yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các địa phương, cơ quan, đơn vị báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp uỷ trực thuộc, các sở, ban, ngành, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan liên quan bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan Ban Dân vận Tỉnh ủy phụ trách.

Điều 4. Về tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu cán bộ, công chức

1. Tiêu chuẩn chức danh

Việc xác định tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan do Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Ban.

2. Về cơ cấu cán bộ, công chức

Bảo đảm cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy trên cơ sở vị trí việc làm của Ban được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

Điều 5. Tổ chức bộ máy và biên chế

1. **Số lượng lãnh đạo:** Ban Dân vận Tỉnh ủy gồm Trưởng Ban và 02 phó trưởng ban.

2. **Các đơn vị trực thuộc có 02 phòng, gồm:**

- Phòng Tổng hợp - Dân tộc và Tôn giáo.
- Phòng Dân vận chính quyền và Đoàn thể.

3. **Biên chế**

Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ, cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm đã được phê duyệt; bảo đảm tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị.

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc

Trên cơ sở Quy định này, Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của các phòng trực thuộc cơ quan mình.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. **Đối với Ban Dân vận Trung ương**

Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân vận Trung ương và trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban, thực hiện chế độ thống kê, thông tin, báo cáo cho Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. **Đối với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy**

Ban Dân vận Tỉnh ủy sự lãnh đạo, chỉ đạo về mọi mặt của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, tham mưu, đề xuất các vấn đề thuộc trách nhiệm của lĩnh vực được phân công với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; đồng thời, thực hiện những công việc được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền.

3. **Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh**

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận.

Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao.

4. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về những chủ trương, quyết định, chính sách, chế độ có liên quan đến công tác dân vận, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

Phối hợp trong công tác triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận.

5. Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy có trách nhiệm chủ động phối hợp các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy có liên quan đến các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, trường hợp có ý kiến khác nhau thì xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Đối với các huyện ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác dân vận và công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp.

7. Đối với ban dân vận các huyện ủy, Thành ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với ban dân vận các huyện ủy, Thành ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về công tác dân vận; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy căn cứ Quy định này và các quy định khác của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân vận Tỉnh ủy, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

2. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 4169-QĐ/TU ngày 31/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, chưa phù hợp thì Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thảo luận, thống nhất, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (*báo cáo*),
- Ban Dân vận Trung ương (*báo cáo*),
- Vụ II, Ban Tổ chức Trung ương (*báo cáo*),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc TU,
- Các huyện ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PCVP Tỉnh ủy, P. Tổng hợp, Kinh tế,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Lê Viết Chử